TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 19/9/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tý
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61^{A}/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61^{B}/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Xuân T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm 4, Buôn K, xã D, huyện K1, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm 4, Buôn K, xã D, huyện K1, tỉnh Đăk Lăk.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ngU đơn Anh Lưu Xuân T trình bày:

Anh kết hôn với chị Đoàn Thị L vào ngày 06/12/2005 trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K1. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại xóm 4, Buôn K, xã D, huyện K1, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008, sau đó phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân do bất đồng quan điểm, mỗi người một ý, không hòa hợp, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh đã nhiều lần chủ động liên hệ với chị L để vợ chồng quay lại với nhau nhưng

chị L không đồng ý, từ đó vợ chồng cách xa, tình cảm không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung, cháu tên là Lưu Thị Tố U, sinh ngày 17/3/2007, hiện đang sống với Anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật khi tham gia tố tụng; đối với bị đơn mặc dù kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo Điều 170, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Cần tiếp tục giao con chung Lưu Thị Tố U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Đoàn Thị L có nơi cư trú tại xóm 4, Buôn K, xã D, huyện K1, tỉnh Đăk Lăk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K1, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Đoàn Thị L theo quy định tại các Điều 170, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự để chị L biết và tham gia tố tụng, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa, mặt khác nay chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Xuân T kết hôn với chị Đoàn Thị L vào ngày 06/12/2005 trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K1, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại xóm 4, Buôn K, xã D, huyện K1. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm và trách nhiệm với gia đình. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và kéo dài, hiện anh T và chị L mỗi người sống một nơi, ly thân từ năm 2013 năm nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, Chi hội phụ nữ xóm 4, Buôn K, xã D, huyện K1, nơi anh T, chị L cư trú, thể hiện vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, tổ hòa giải thôn đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện hai người không còn sống chung với nhau.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ gây căng thẳng cho các đương sự mà không đem lại lợi ích gì cho các bên. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh Lưu Xuân T và chị Đoàn Thị L là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị L có 01 con chung là Lưu Thị Tố U, sinh ngày 17/3/2007, hiện đang sống với anh T. Nhận thấy, hiện cháu U được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ổn định, mặt khác tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 03/9/2017 chị L đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên cần tiếp tục giao con chung Lưu Thị Tố U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] Về nợ chung: Anh T xác nhận không có nên không đề cập.

[8] Về án phí: Anh Lưu Xuân T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Xuân T xin ly hôn đối với chị Đoàn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lưu Xuân T với chị Đoàn Thị L.

Về con chung: Giao con chung Lưu Thị Tố U, sinh ngày 17/3/2007 cho anh Lưu Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lưu Xuân T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0040529 ngày 19tháng 4 năm 2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tân